

THỰC HIỆN TỐT CHÍNH SÁCH DÂN TỘC, TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO KHMER Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

HOÀNG THỊ LAN*

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc và tôn giáo, vì vậy, việc tập hợp, đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo, giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc, tôn giáo có liên quan đến ổn định chính trị xã hội, góp phần cơ bản tạo nên sức mạnh của dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đồng bằng sông Cửu Long là nơi cư trú của nhiều dân tộc như Kinh, Hoa, Chăm, Khmer. Sau người Kinh, dân tộc Khmer là một cộng đồng cư dân khá đông (khoảng 1,3 triệu người) sống tập trung ở các tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Minh Hải, An Giang, Cà Mau..., trong đó nơi tập trung đông nhất là Trà Vinh, Sóc Trăng và Kiên Giang.

Trong cộng đồng Khmer, vấn đề dân tộc luôn quện chặt với vấn đề tôn giáo. Đa đa số người Khmer ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đều theo Phật giáo Nam Tông. Có thể nói, ở đâu có người Khmer sinh sống, ở đó có chùa chiền và sư sãi. Phật giáo Nam tông giữ một vai trò quan trọng, chi phối mọi mặt đời sống xã hội của người Khmer. Do vậy, thực hiện chính sách dân tộc đối với người Khmer luôn bao hàm cả chính sách tôn giáo.

Trong quá trình thực hiện đổi mới đất nước, Đảng, Nhà nước ta rất quan tâm đến việc thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo trong vùng đồng bào Khmer. Cho đến nay, sau 25 năm thực hiện đổi mới, công tác dân tộc, tôn giáo vùng đồng bào dân tộc Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long đã thu được nhiều thành tựu to lớn. Đặc biệt từ sau khi có Chỉ thị 68 - CT/TW, ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VI về công tác vùng đồng bào dân tộc Khmer, đến nay bộ

mặt nông thôn vùng đồng bào dân tộc Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long đã có sự chuyển biến rõ rệt. Với sự đầu tư của Đảng, Nhà nước và sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, nhiều công trình hạ tầng cơ sở như đê bao ngăn mặn, các công trình thủy lợi, đường sá, cầu cống, điện, nước phục vụ cho sinh hoạt v.v... từng bước được cải thiện, tạo cơ sở cho sự phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Khmer. Đã có trên 2.000 tỷ đồng được đầu tư vào các chương trình 134, 135 và một số chính sách đặc thù khác trong vùng đồng bào dân tộc Khmer. Chương trình 135 giai đoạn 1 đã đầu tư cơ sở hạ tầng ở 207 xã đặc biệt khó khăn và 44 trung tâm cụm xã; giai đoạn 2 đầu tư xây dựng 181 xã và 162 ấp đặc biệt khó khăn. Chương trình 134 và các chính sách bổ sung khác đã giúp hỗ trợ cho đồng bào Khmer 96.150 căn nhà (chiếm 38,65% tổng số hộ Khmer toàn vùng); hỗ trợ 2.577 hộ Khmer định cư; 6.734 hộ Khmer có đất sản xuất và 5.235 hộ Khmer có đất ở; giải quyết việc làm cho hàng chục ngàn lao động Khmer¹.

Hiện 100% số xã vùng đồng bào Khmer ở các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, Vĩnh Long, An Giang, Long An... đã có đường giao thông liên xã, đường điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Nhiều công trình thủy lợi đã được đầu tư xây dựng phục vụ hiệu quả cho sản xuất trong vùng đồng bào Khmer. Hiện đã có trên 80% hộ Khmer trong khu vực có phương tiện nghe nhìn. Tỷ lệ hộ nghèo người Khmer giảm từ 40% năm 2006 xuống còn 28,04% năm 2009.

Mạng lưới y tế trong vùng đồng bào Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long dần được hoàn thiện và có bước phát triển. Ở các vùng có đông đồng bào Khmer sinh sống đều có bệnh viện đa khoa cấp huyện, có trạm y tế

* TS. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

cấp xã. Đội ngũ bác sĩ, y tá, y sĩ đều tăng qua các năm. Hiện toàn vùng có 170 bác sĩ, gần 500 y sĩ là người dân tộc Khmer; 100% trạm y tế tuyến xã vùng đồng bào Khmer đều có y sĩ, một số xã có bác sĩ².

Trên lĩnh vực văn hoá - xã hội, việc duy trì, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc Khmer được các ngành, các cấp quan tâm. Thời gian qua, Trung tâm truyền hình Việt Nam và Đài tiếng nói Việt Nam đặt tại Cần Thơ đã tăng thời lượng phát sóng bằng tiếng Khmer (Đài truyền hình Việt Nam phát bằng tiếng Khmer 6h/ngày; Đài tiếng nói Việt Nam phát bằng tiếng Khmer 16h/ngày). Ngoài ra các địa phương có người Khmer sinh sống đều có đài phát thanh, truyền hình bằng tiếng Khmer phát hàng ngày. Các báo viết như Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiên phong, Sài Gòn giải phóng... đã được phát hành đến tận các xã vùng đồng bào dân tộc Khmer. Một số tỉnh trong khu vực đã xuất bản được báo, tập san định kỳ bằng tiếng Khmer (Báo Cần Thơ phát hành 1 số/tuần với số lượng 11.000 bản). Ngoài ra một số tỉnh đã xây dựng được các trang báo mạng. Các bảo tàng văn hoá Khmer, các trung tâm thể thao, các nhà văn hoá... ở hầu hết các địa phương có người Khmer sinh sống đều được quan tâm, đầu tư tôn tạo. Nhà bảo tàng dân tộc Khmer ở các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng đã sưu tầm được hàng trăm hiện vật góp phần bảo tồn, giới thiệu văn hoá Khmer. Các đoàn nghệ thuật Khmer cũng được quan tâm đầu tư hoạt động đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn hoá, nghệ thuật của đồng bào. Trong hầu hết các xã có đồng bào Khmer đều có đội hát Rù kê, múa Rôbăm; nhiều huyện có đội đua ghe ngo. Nhiều chùa chiền của người Khmer đã được đầu tư xây dựng thành các trung tâm văn hoá, được trang bị tủ sách, máy thu hình, đầu video... phục vụ nhu cầu giải trí, học tập nâng cao trình độ của đồng bào.

Công tác giáo dục đào tạo nhằm nâng cao trình độ cho đồng bào dân tộc Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long cũng đã được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm. Đã có nhiều chính sách phát triển giáo dục, đào tạo được thực hiện trong khu vực như: đầu tư cơ sở vật

chất phục vụ cho việc dạy và học; chính sách ưu đãi cho giáo viên phục vụ tại các vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa; miễn giảm tiền học phí và hỗ trợ tiền sách vở cho con em các hộ Khmer nghèo; tổ chức các lớp xoá mù chữ; phổ cập giáo dục; xây dựng các trường dân tộc nội trú; chính sách cử tuyển cao đẳng và đại học... Những năm qua số lượng và chất lượng học sinh Khmer đều tăng qua các năm. Ví dụ: năm 2010, số lượng học sinh Khmer tăng gấp hai lần so với năm 1999. Năm 1991-1992 tổng số học sinh Khmer là 116.150 em, năm học 2009- 2010 đã tăng lên gần 240.000 em. Bình quân 4,5 người Khmer có 1 người đi học. Hiện có trên 22.000 học sinh phổ thông trung học là người Khmer. Giáo viên người Khmer cũng không ngừng tăng cả về số lượng và chất lượng. Năm 1999 có 3.107 giáo viên người dân tộc Khmer, đến năm 2009 tăng lên 6.364 người (tăng 2,04 lần). Bình quân 188 người Khmer thì có 1 giáo viên người Khmer (bình quân chung toàn vùng cứ 130 người dân có 1 giáo viên)³.

Hiện nay, hầu hết các tỉnh có đồng bào Khmer sinh sống trong khu vực đều có trường phổ thông Dân tộc nội trú. Hàng năm có trên 6.400 học sinh các cấp được vào học. Năm học 2009 - 2010, toàn khu vực có 24 trường phổ thông dân tộc nội trú, trong đó có 9 trường cấp tỉnh với 99 lớp (tăng 17 lớp so với năm học 2006-2007) với 3.342 học sinh; 15 trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện (tăng 2 trường so với năm 2006- 2007) với 103 lớp và 3.266 học sinh. Các tỉnh như Hậu Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Cà Mau, Vĩnh Long đã đầu tư hàng chục tỷ đồng xây dựng cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn cán bộ của địa phương. Ở các tỉnh như Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang đã có trường phổ thông cơ sở dân tộc nội trú ở cấp huyện. Trong 3 năm học (từ 2006 đến 2009), các trường phổ thông dân tộc nội trú trong khu vực có 2.230 học sinh dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông và đã có 1.675 em đỗ tốt nghiệp (tỷ lệ trung bình là 72,15%). Tỷ lệ học sinh Khmer của các trường dân tộc nội trú đỗ tốt nghiệp phổ thông trung học đều tăng qua

các năm. Năm 2006 - 2007 là 67,2%; năm 2007 - 2008 là 73,27%; năm 2008 - 2009 là 75,53%. Các trường dân tộc nội trú của các tỉnh có đông người Khmer sinh sống như Trà Vinh, Kiên Giang luôn có tỷ lệ học sinh trường dân tộc nội trú đỗ tốt nghiệp ở mức cao (trên 90%). Số học sinh của hệ thống trường dân tộc nội trú trong khu vực thi đỗ cao đẳng, đại học và dự bị đại học hàng năm khoảng trên 40%. Dự kiến từ năm 2010 - 2015, trong toàn khu vực sẽ có thêm 14 trường phổ thông trung học cơ sở dân tộc nội trú sẽ được thành lập ở các huyện có trên 10.000 người dân tộc Khmer sinh sống⁴.

Những năm qua, việc dạy chữ Khmer đã đạt được một số kết quả đáng kể đáp ứng nhu cầu học chữ và bảo tồn văn hoá của đồng bào dân tộc Khmer. Thực hiện quyết định số 28/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 30 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về chương trình và sách giáo khoa tiếng Khmer ở trường tiểu học và trung học cơ sở, từ năm học 2006 - 2007 đã có 9 tỉnh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long triển khai dạy tiếng Khmer ở 374 trường, 2.970 lớp với 68.334 học sinh⁵. Ở một số tỉnh có đông đồng bào Khmer, hầu hết các chùa đều được đầu tư thành các điểm nhóm dạy bổ túc văn hoá song ngữ Kinh - Khmer, dạy chữ Khmer cho đồng bào do các sư tăng Khmer đảm trách.

Thực hiện Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 9 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh bồi dưỡng, đào tạo tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi, Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc Khmer. Năm 2008, trường Đại học Cần Thơ đã tổ chức khoá bồi dưỡng tiếng Khmer cho các cán bộ, công chức đang công tác tại các cơ quan, ban ngành thuộc các tỉnh trong khu vực (mỗi tỉnh 3- 4 chỉ tiêu). Tại Kiên Giang, tính đến năm 2009 toàn tỉnh đã có 216 lớp với 5.874 học viên theo học chữ Khmer. Tỉnh An Giang đến năm 2010 đã hoàn thành việc dạy tiếng Khmer cho 5.869 học viên gồm cán bộ chủ chốt, công chức cấp huyện, cán bộ

chỉ huy, chiến sĩ thuộc lực lượng công an, quân sự, biên phòng, cán bộ quản lý các trường học, bệnh viện và sinh viên⁶...

Những điều kiện đảm bảo cho sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào Khmer cũng luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm đáp ứng kịp thời. Những năm qua, nhà nước đã đầu tư 26 tỷ đồng xây dựng Học viện Phật giáo Nam Tông và đầu tư 19 tỷ đồng để nâng cấp mở rộng trường Trung cấp Pali Nam Bộ phục vụ nhu cầu học tập, nâng cao trình độ của các sư tăng Khmer. Nhu cầu được đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước của các sư tăng Khmer đều được chính quyền các cấp tạo điều kiện thuận lợi.

Kinh sách và đồ dùng việc đạo phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào Khmer cũng luôn được Đảng, Nhà nước và chính quyền các địa phương quan tâm đáp ứng. Hầu hết các tỉnh có đông người Khmer sinh sống đều được cấp, phát kinh sách hoặc cho phép nhập kinh sách từ Campuchia đảm bảo nhu cầu tu học của đồng bào và sư sãi. Những năm qua, đã có 42 đầu kinh sách với số lượng 220.000 quyển được in ấn và cấp phát cho đồng bào Khmer. Bên cạnh đó còn một số lượng khá lớn kinh sách được Nhà nước cho phép nhập từ Campuchia về đã được phát cho các chùa ở nhiều tỉnh trong khu vực.

Các chùa chiền, sư tăng và đồng bào Khmer có công với cách mạng đã được Đảng, Nhà nước quan tâm xét thưởng. Thời gian qua đã có 134 chùa của người Khmer được Nhà nước khen thưởng vì những thành tích trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ; 17 chùa được công nhận di tích lịch sử văn hoá. Nhiều sư tăng và đồng bào có công với cách mạng đã được Nhà nước biểu dương khen thưởng. Nhiều chùa chiền của người Khmer được quan tâm đầu tư tôn tạo, tu sửa. 100% chùa trong khu vực đều được hỗ trợ phương tiện nghe nhìn (294/439 chùa có tủ sách, 439/439 chùa có tivi).

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc Khmer cũng được Đảng, Nhà nước và các địa phương trong khu vực quan tâm.

Những năm qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tăng dần chỉ tiêu cử tuyển và chỉ tiêu dự bị đại học cho các trường Đại học Cần Thơ, trường Dự bị đại học thành phố Hồ Chí Minh và các trường đại học, cao đẳng trong khu vực để thu hút thêm nhiều học sinh Khmer vào học. Nhìn chung công tác cử tuyển học sinh Khmer được các tỉnh quan tâm thực hiện tốt. Một số tỉnh như An Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, Vĩnh Long nhiều năm liền đều tuyển được hết chỉ tiêu và số học sinh tốt nghiệp trở về địa phương công tác luôn đạt trên 80%. Hiện nay, hầu hết các tỉnh, thành phố có đông người Khmer sinh sống đều có cán bộ người Khmer làm việc trong hệ thống chính trị cơ sở. Toàn vùng hiện có 11.908 đảng viên Khmer chiếm 0,99% dân số Khmer trong vùng (tăng 5,6 lần so với năm 1991). Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2006 - 2010 đã có 853 đảng viên Khmer được bầu vào cấp uỷ các cấp⁷.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu nói trên, việc thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo trong khu vực đồng bào Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long thời gian qua vẫn còn tồn tại những hạn chế, bất cập.

Nền kinh tế của người Khmer trong khu vực cho đến nay chủ yếu vẫn là thuần nông, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ trong khu vực còn phát triển chậm. Các chương trình 134, 135 của Chính phủ tuy đã thu được nhiều kết quả to lớn ở vùng đồng bào dân tộc Khmer, nhưng mới chỉ giải quyết được các vấn đề bức xúc trước mắt, chưa mang tính bền vững, chưa tạo được mô hình sản xuất hiệu quả cho đồng bào Khmer. Số hộ nghèo người Khmer có giảm qua các năm nhưng tỷ lệ hộ Khmer nghèo, tái nghèo và cận nghèo còn cao so với mức bình quân chung cả nước (theo tiêu chí mới, tính đến cuối năm 2009, số hộ Khmer cận nghèo là 69.755 hộ chiếm 28,04% tổng số hộ Khmer trong vùng)⁸. Khoảng cách giàu - nghèo giữa người Khmer và các dân tộc khác trong khu vực như Kinh, Hoa ngày càng lớn. Chính quyền các địa phương ở Đồng bằng sông Cửu Long đã có nhiều cố gắng trong việc giải quyết vấn đề đất sản xuất cho đồng bào,

nhưng đến năm 2009 vẫn có 24.370 hộ Khmer (chiếm 9,82% tổng số hộ Khmer trong vùng)⁹ không có đất sản xuất. Tình trạng thiếu đất sản xuất dự báo vẫn sẽ còn tăng trong những năm tới do quá trình đô thị hoá và do áp lực gia tăng dân số cùng nguy cơ xâm thực nước mặn trong khu vực.

Nhu cầu sinh hoạt văn hoá tinh thần của đồng bào Khmer chưa được quan tâm đúng mức. Các sản phẩm văn hoá, thông tin bằng tiếng và chữ Khmer còn nhiều hạn chế cả về số lượng và chất lượng, chưa đáp ứng được nhu cầu của đồng bào.

Mạng lưới trường, lớp trong khu vực đồng bào Khmer còn nhiều bất cập. Cơ sở vật chất cho trường lớp chưa đồng bộ; phương tiện, thiết bị cho việc dạy và học còn thiếu. Mặt bằng dân trí vùng đồng bào dân tộc Khmer còn thấp so với mặt bằng chung của xã hội và khu vực. Tỷ lệ người Khmer mù chữ và trình độ thấp còn cao. Hiện có gần 40% người Khmer không biết chữ phổ thông và gần 50% người Khmer không biết chữ Khmer. Tình trạng bỏ học, lưu ban trong học sinh Khmer còn khá cao. Số lượng học sinh Khmer chủ yếu chỉ ở cấp tiểu học và trung học cơ sở.

Chất lượng đào tạo ở các trường phổ thông dân tộc nội trú chưa đồng đều. Đa số học sinh Khmer trong các trường phổ thông dân tộc nội trú mới chỉ đạt kết quả học tập ở mức trung bình. Tỷ lệ học sinh Khmer của các trường phổ thông dân tộc nội trú thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng còn rất thấp. Một số trường chưa thực hiện tốt việc tổ chức nội trú cho học sinh gây lãng phí tài sản của Nhà nước.

Việc dạy chữ Khmer còn nhiều hạn chế do thiếu giáo viên, do giáo viên chưa được đào tạo cơ bản. Việc chi trả chế độ cho giáo viên dạy chữ Khmer chưa thống nhất trong khu vực và còn nhiều bất cập. Việc dạy chữ Pali chưa có quy chế quản lý thống nhất về nội dung, chương trình...

Việc thực hiện chế độ cử tuyển học sinh người Khmer cũng còn bất cập về nguồn tuyển sinh, cơ cấu ngành, nghề, trình độ. Vẫn còn hiện tượng học sinh cử tuyển bỏ học giữa

chúng do trình độ quá thấp không tiếp thu được kiến thức. Bên cạnh đó, chính quyền một số địa phương chưa thực sự quan tâm sát sao và có chính sách cụ thể đối với học sinh cử tuyển trong quá trình học tập cũng như khi phân công công tác. Công tác đào tạo nghề cho học sinh Khmer chưa được quan tâm đúng mức.

Hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc Khmer còn nhiều yếu kém, cơ cấu, trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ vùng đồng bào dân tộc và cán bộ người dân tộc Khmer chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn.

Bên cạnh đó, một số vấn đề phức tạp nảy sinh liên quan đến vấn đề dân tộc - tôn giáo chưa được giải quyết một cách chủ động, kịp thời. Nhiều chùa trong khu vực đã bị tàn phá do chiến tranh hoặc hư hỏng, xuống cấp nặng do thời gian nhưng chưa được quan tâm đầu tư, sửa chữa; chưa phát huy được hết vai trò của các Ban quản trị chùa và Hội đoàn kết sư sãi yêu nước. Hiện tượng sư sãi ra nước ngoài tu học trái phép vẫn diễn ra và chưa có cách xử lý thống nhất ở các địa phương. Một bộ phận sư sãi và đồng bào Khmer còn bị các thế lực hội nhóm “Khmer Crom” ở nước ngoài mua chuộc, lợi dụng tuyên truyền, phát tán tài liệu chống đối Đảng và Nhà nước. Một bộ phận đồng bào Khmer do bị lợi dụng, bị mua chuộc đã từ bỏ đạo Phật chuyển sang theo đạo Tin lành và Công giáo gây nên những xáo trộn trong đời sống chính trị - xã hội (đến cuối năm 2009 toàn vùng có 3.064 người Khmer theo đạo Tin lành và Công giáo. Đã có 2 mục sư, 4 truyền đạo và 27 chấp sự là người Khmer)¹⁰...

Những yếu kém và bất cập trong thực hiện chính sách dân tộc - tôn giáo đối với đồng bào Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long nói trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Về mặt chủ quan, đó là sự nhận thức và vận dụng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở một số địa phương chưa thực sự phù hợp; một bộ phận cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở có biểu hiện tiêu cực trong quá trình triển khai các chương trình, dự án tạo kẽ hở cho các thế lực thù địch lợi dụng, xuyên tạc chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước;

công tác tuyên truyền vận động đồng bào Khmer chưa được quan tâm sát sao; chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị và một phần còn do tâm lý tự ti, thụ động của người Khmer cũng như phong tục tập quán của đồng bào còn khá nặng nề và tụt kém...

Về mặt khách quan, đó là sự lợi dụng vấn đề dân tộc - tôn giáo của các thế lực đế quốc thù địch và của các phần tử theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan nhằm chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhà nước ta. Bên cạnh đó còn do điều kiện địa lý, do những phức tạp từ lịch sử quá trình hình thành vùng đất và con người nơi đây...

Thực tế nói trên đòi hỏi cần phải có những giải pháp phù hợp để phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục dần những hạn chế trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo đối với đồng bào Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long nhằm từng bước thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đồng bào theo kịp với sự phát triển của các cộng đồng dân tộc khác trong khu vực và theo kịp với sự phát triển chung của đất nước.

Chú thích

1,2,3,7,8,9,10. Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ, Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị 68 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VI) và Kết luận 67 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá (X) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer, Học viện Chính trị- Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Xây dựng chính sách kinh tế - văn hoá- xã hội đối với Phật giáo Nam Tông Khmer và đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ đến năm 2020*, Cần Thơ 18-3-2010, tr 15.

4,5,6. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Báo cáo số 10389/BGDĐT-GDDT, ngày 27 tháng 11 năm 2009 V/v Báo cáo về chính sách phát triển giáo dục- đào tạo đối với đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ, Học viện Chính trị- Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Xây dựng chính sách kinh tế- văn hoá- xã hội đối với Phật giáo Nam Tông Khmer và đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ đến năm 2020*, Cần Thơ 18-3-2010, tr156. Hồ Chí Minh, (1996), Toàn tập, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 552.